

VPB - Ngân hàng mẹ dẫn dắt lợi nhuận quý 3; đà tăng trưởng mạnh mẽ và hoạt động kiểm soát chi phí hiệu quả giúp bù đắp cho sự sụt giảm của NIM - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 19/10/2026

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) đã công bố KQKD 9 tháng đầu năm 2026 (9T 2026) với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 65,5 nghìn tỷ đồng (+25% YoY) và LNTT hợp nhất đạt 29,9 nghìn tỷ đồng (+47% YoY), lần lượt hoàn thành 73% và 76% dự báo cả năm của chúng tôi. LNTT quý 3 đạt mức kỷ lục 11,0 nghìn tỷ đồng (+1% QoQ). Nhìn chung, kết quả 9T vượt kỳ vọng của chúng tôi nhờ tăng trưởng doanh thu mạnh mẽ, chi phí tín dụng được kiểm soát tốt và chi phí hoạt động thấp hơn dự báo.

*** Tăng trưởng tín dụng vượt xa toàn ngành:** Tăng trưởng tín dụng của ngân hàng mẹ đã đạt 30,1% trong 9T 2026 so với mức tăng trưởng toàn ngành là 11,6%, nhìn chung phù hợp với mức dự báo cả năm (35%) của chúng tôi. Cho vay hộ kinh doanh (+43% trong 9T; chiếm 25% tổng dư nợ) dẫn dắt đà tăng trưởng quý 3, trong khi dư nợ cho vay đầu tư bất động sản tăng 39% (chiếm 24% tổng dư nợ) và cho vay mua nhà tăng 12,6% (chiếm 12% tổng dư nợ).

*** Tăng trưởng huy động vốn vượt tăng trưởng tín dụng, thanh khoản cải thiện:** Tiền gửi khách hàng cộng giấy tờ có giá tăng 34,2% trong 9T, dẫn đầu là giấy tờ có giá (+81%) do chúng chỉ tiền gửi phát hành cho các tổ chức tăng gấp ba lần. Tỷ lệ CASA phục hồi lên 13,6% (+0,8 điểm % QoQ). Tỷ lệ cho vay/huy động (LDR) giảm từ mức 84,5% vào cuối quý 2 xuống 82%, và tỷ lệ an toàn vốn (CAR) tiếp tục duy trì trên mức 13%. Vốn điều lệ tăng lên 100 nghìn tỷ đồng sau đợt chi trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 26,04% trong quý 3. Trong khi đó, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn được ghi nhận ở mức 19,9% tại thời điểm quý 3 (thấp hơn nhiều so với mức trần quy định là 40%).

*** NIM thu hẹp trong quý 3:** NIM 9T ghi nhận ở mức 5,07% (-33 điểm cơ bản YoY), thấp hơn nhẹ so với dự báo cả năm của chúng tôi là 5,29%. NIM quý 3 giảm xuống mức 4,80% (-32 điểm cơ bản QoQ), do chi phí vốn (CoF) tăng lên 6,49% (+32 điểm cơ bản QoQ) trong khi lợi suất tài sản đi ngang.

*** Thu nhập phí thuần (NFI) ròng giúp hỗ trợ đà tăng trưởng của thu nhập ngoài lãi (NOII), nhưng NOII quý 3 đã giảm 23% YoY:** NOII 9T đạt 12,4 nghìn tỷ đồng (+20% YoY; đạt ~71% dự báo cả năm của chúng tôi). NFI tăng mạnh 76% YoY lên mức 8,6 nghìn tỷ đồng, và doanh thu từ việc thu hồi nợ đã xử lý rủi ro cũng ghi nhận mức tăng 13% YoY (đạt 3,2 nghìn tỷ đồng). Dù vậy, khoản lỗ kinh doanh ngoại hối 2,0 nghìn tỷ đồng cùng khoản lỗ kinh doanh chứng khoán 85 tỷ đồng (so với mức lãi 1,8 nghìn tỷ đồng trong 9T 2025) đã phần nào làm giảm thiểu tác động tích cực từ đà tăng này.

* **Chi phí hoạt động được kiểm soát tốt hơn kỳ vọng:** Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) đạt 21,0% (-3,3 điểm % YoY), thấp hơn so với dự báo cả năm của chúng tôi là 22,5%.

* **Tỷ lệ nợ xấu cải thiện về mức thấp nhất trong nhiều năm, nhưng nợ Nhóm 2 tăng nhẹ so với quý trước:** Tỷ lệ nợ xấu hợp nhất trong quý 3/2026 giảm xuống 3,12% (-16 điểm cơ bản QoQ; -40 điểm cơ bản YoY). Tuy nhiên, nợ Nhóm 2 đã tăng lên mức 3,56% (+39 điểm cơ bản QoQ), và tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) giảm nhẹ xuống mức 54,0% (-2,2 điểm % QoQ), qua đó phát đi tín hiệu về rủi ro hình thành nợ xấu mới trong quý 4. Chi phí dự phòng rủi ro tăng 14% YoY lên 21,8 nghìn tỷ đồng (hoàn thành ~73% dự báo của chúng tôi).

* **Đóng góp lợi nhuận từ mảng chứng khoán hạ nhiệt trong quý 3 trong khi các công ty con khác lại ghi nhận diễn biến khả quan hơn:** LNTT 9T của VPX (VPBankS) đạt ~3,5 nghìn tỷ đồng (hoàn thành ~56% dự báo cả năm của chúng tôi), tương ứng LNTT quý 3 đạt ~843 tỷ đồng do mảng tự doanh chuyển sang lỗ. Chúng tôi ước tính LNTT 9T của FE Credit đạt ~311 tỷ đồng với tăng trưởng dư nợ đạt 12% trong 9T và tỷ lệ nợ xấu quý 3/2026 ghi nhận ở mức 15% (-4 điểm % QoQ; -2 điểm % YoY). LNTT mảng bảo hiểm (OPES) đạt 930 tỷ đồng (+105% YoY) trong 9T 2026. GPBank (ngân hàng 0 đồng do VPB hỗ trợ; không hợp nhất) ghi nhận LNTT 9T đạt hơn 1 nghìn tỷ đồng, gần gấp đôi kết quả cả năm 2025.

Hình 1: KQKD hợp nhất 9T 2026 của VPB

tỷ đồng	9T 20259T 2026		YoY	Q3 2025	Q3 2026	YoY
Thu nhập lãi ròng	41.896	53.092	26,7%	15.061	18.158	20,6%
Thu nhập ngoài lãi	10.343	12.383	19,7%	5.076	3.925	-22,7%
Tổng thu nhập HĐ (TOI)	52.238	65.475	25,3%	20.138	22.084	9,7%
Chi phí hoạt động (OPEX)	(12.706)	(13.740)	8,1%	(4.428)	(4.808)	8,6%
LN trước dự phòng (PPOP)	39.532	51.735	30,9%	15.710	17.276	10,0%
Chi phí dự phòng	(19.136)	(21.824)	14,0%	(6.544)	(6.245)	-4,6%
LNTT	20.396	29.911	46,7%	9.166	11.031	20,3%
LNST-CĐTS	16.033	23.227	44,9%	7.275	8.644	18,8%

Tăng trưởng cho vay**	28,5%	28,4%	-0,1 điểm %	8,1%	4,4%	-3,7 điểm %
Tăng trưởng huy động**	20,6%	26,3%	5,6 điểm %	-2,5%	8,2%	10,7 điểm %
NIM	5,40%	5,07%	-33 điểm cb	5,37%	4,80%	-57 điểm cb
Lợi suất tài sản sinh lãi	9,26%	10,24%	97 điểm cb	9,33%	10,39%	106 điểm cb
Chi phí huy động vốn	4,61%	6,05%	144 điểm cb	4,70%	6,49%	179 điểm cb
Tỷ lệ CASA*	14,3%	13,6%	-0,7 điểm %	14,3%	13,6%	-0,7 điểm %
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	14,6%	15,5%	0,9 điểm %	14,6%	15,5%	0,9 điểm %
CIR	24,3%	21,0%	-3,3 điểm %	22,0%	21,8%	-0,2 điểm %
Nợ xấu/cho vay	3,51%	3,12%	-40 điểm cb	3,51%	3,12%	-40 điểm cb
Nợ nhóm 2/cho vay	3,61%	3,56%	-5 điểm cb	3,61%	3,56%	-5 điểm cb

Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	1,17%	1,62%	45 điểm cb	1,17%	1,62%	45 điểm cb
-----------------------------	-------	-------	---------------	-------	-------	---------------

Nguồn: VPB, Vietcap – *Quy mô CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ; **Tăng trưởng cho vay và huy động Q3 2026 và Q3 2025 là tăng trưởng so với quý trước. Tăng trưởng cho vay và huy động 9T 2025 và 9T 2026 là tăng trưởng 9 tháng

Hình 2: KQKD riêng lẻ 9T 2026 của VPB

tỷ đồng	9T 2025	9T 2026	YoY	Q3 2025	Q3 2026	YoY
Thu nhập lãi ròng	31.447	41.644	32,4%	11.373	14.240	25,2%
Thu nhập ngoài lãi	5.411	7.220	33,4%	1.999	2.983	49,2%
Tổng thu nhập HD (TOI)	36.857	48.864	32,6%	13.372	17.223	28,8%
Chi phí hoạt động (OPEX)	(9.142)	(10.266)	12,3%	(3.241)	(3.613)	11,5%
LN trước dự phòng (PPOP)	27.715	38.599	39,3%	10.130	13.610	34,4%
Chi phí dự phòng	(10.642)	(13.353)	25,5%	(3.752)	(3.931)	4,8%
LNTT	17.073	25.246	47,9%	6.378	9.679	51,8%
LNST	13.701	20.197	47,4%	5.103	7.744	51,8%
Tăng trưởng cho vay**	30,1%	30,1%	0,0 điểm %	7,7%	4,2%	-3,5 điểm %
Tăng trưởng huy động**	22,1%	24,6%	2,5 điểm %	-3,7%	7,5%	11,2 điểm %

NIM	4,31%	4,27%	-4 điểm cb	4,30%	4,04%	-25 điểm cb
Lợi suất tài sản sinh lãi	8,10%	9,40%	130 điểm cb	8,17%	9,61%	144 điểm cb
Chi phí huy động vốn	4,46%	5,87%	141 điểm cb	4,52%	6,31%	180 điểm cb
Tỷ lệ CASA*	15,9%	14,2%	-1,7 điểm %	15,9%	14,2%	-1,7 điểm %
Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	16,3%	16,2%	-0,1 điểm %	16,3%	16,2%	-0,1 điểm %
CIR	24,8%	21,0%	-3,8 điểm %	24,2%	21,0%	-3,3 điểm %
Nợ xấu/cho vay	2,63%	2,45%	-18 điểm cb	2,63%	2,45%	-18 điểm cb
Nợ nhóm 2/cho vay	3,14%	3,43%	29 điểm cb	3,14%	3,43%	29 điểm cb
Lãi dự thu/tài sản sinh lãi	1,03%	1,56%	53 điểm cb	1,03%	1,56%	53 điểm cb

Nguồn: VPB, Vietcap — *Quy mô CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi kỳ quỹ; **Tăng trưởng cho vay và huy động Q3 2026 và Q3 2025 là tăng trưởng so với quý trước. Tăng trưởng cho vay và huy động 9T 2025 và 9T 2026 là tăng trưởng 9 tháng